

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Ngọc Cúc

+ Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Kỳ Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2022/TLST–HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Trần Như T, sinh năm 1983;

Nơi đăng ký thường trú: Khu 2, ấp B, xã B huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Hương lộ 7, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Lê Tấn H, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: Khu 2, ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T có mặt, ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Trần Như T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Tấn H chung sống với nhau và đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01/2006 ngày 14/12/2006. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Ông H không quan tâm, chia sẻ với bà T mặc dù bà đã góp ý nhiều lần. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải cho vợ chồng và cả hai vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Tấn T, sinh ngày 14/9/2007, Lê Ngọc Như Y, sinh ngày 19/02/2014 và Lê Tấn K, sinh ngày 19/9/2017. Khi ly hôn, bà T yêu cầu giao cháu T, Y, K cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai đề ngày 09/6/2022, bị đơn ông Lê Tấn H trình bày:*

Ông và bà T kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau vui vẻ, không gây gổ hay cãi vã, hiện tại hai vợ chồng vẫn qua lại bình thường. Ông không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương vợ con. Hai vợ chồng có 03 con chung, hiện đang ở với mẹ trên ngoại, ông vẫn đi làm chu cấp nuôi con. Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận. Nợ chung: không có.

Tòa án đã tiến hành triệu tập ông H để làm việc, lấy lời khai để làm rõ nội dung vụ án nhưng ông H không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập nên không có lời khai của ông H về các nội dung khác.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;

+ Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự: chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn; về con chung: Giao cháu Lê Tấn T, Lê Ngọc Như Y và Lê Tấn K cho bà T trực tiếp nuôi

dưỡng, tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Trần Như T khởi kiện ông Lê Tấn H yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con, bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã B, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Về quan hệ pháp luật: Bà T yêu cầu ly hôn với ông H, yêu cầu được nuôi con chung nên quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Bị đơn ông Lê Tấn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H sống chung với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01/2006 ngày 14/12/2006, **căn cứ các Điều 11, 12, 13 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000** được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng tại địa phương nơi cư trú cho thấy: quá trình chung sống giữa bà T và ông H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến hiện nay hai vợ chồng không còn sống chung nhà, bà T đã đưa con về nhà cha mẹ của bà T sinh sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải nhưng ông H vẫn vắng mặt không đến Tòa, không có lý do chính đáng nên không thể tiến hành hòa giải. Điều này cho thấy ông H không muốn hòa giải, đoàn tụ gia đình. Bà T vẫn cương quyết được ly hôn với ông H do không thể tiếp tục sống chung được nữa. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông H là có thật, kéo dài, không thể hàn gắn nên yêu cầu của bà T về việc ly hôn là có cơ sở chấp nhận, cho bà T được ly hôn với ông Lê Tấn H.

Về con chung: bà T và ông H có 03 con chung tên Lê Tấn T, sinh ngày 14/9/2007, Lê Ngọc Như Y, sinh ngày 19/02/2014 và Lê Tấn K, sinh ngày 19/9/2017. Ly hôn, bà T yêu cầu giao cháu T, Y và K cho bà trực tiếp nuôi dưỡng con chung; bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Tại bản khai của ông

H trình bày bà T đã đưa 03 con về cùng chung sống với bà T. Tiến hành xác minh tại địa phương được cung cấp như sau: Bà T hiện đang làm nghề uốn tóc, có thu nhập ổn định, trong thời gian sinh sống tại địa phương bà T chưa có vi phạm pháp luật gì, chăm lo làm ăn. Việc giao cháu T, cháu Y cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cũng phù hợp nguyện vọng của cháu T và cháu Y. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà T về việc giao cháu T, cháu Y và cháu K cho bà trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Nguyễn Trần Như T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Trần Như T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Trần Như T được ly hôn với ông Lê Tấn H.

- Về con chung: Bà T và ông H có 03 con chung tên Lê Tấn T, sinh ngày 14/9/2007, Lê Ngọc Như Y, sinh ngày 19/02/2014 và Lê Tấn K, sinh ngày 19/9/2017. Giao cháu T, Y và cháu K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Tấn H có quyền, nghĩa vụ **thăm nom con chung**, không ai được cản trở ông H thực hiện quyền này.

Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Trần Như T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004287 ngày 19/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Bà T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Nhung